

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS-PT  
Ngày 30-12-2021  
Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài  
sản trên đất, tuyên bố di chúc  
không hợp pháp và di dời tài sản  
trên đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lộc Sơn Thái;  
*Các Thẩm phán:* Ông Cao Đức Chiến;  
Ông Hồ Đức Châm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, tuyên bố di chúc không hợp pháp và di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1952; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 75, đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Tống Thị D; sinh năm 1969; cư trú tại: Số nhà 69, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Lương Thị Kim M, Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 11, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Triệu Thị B, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ 5, khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Triệu Thị H, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 8/2, tổ 7, khối 3, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Triệu Viết T, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 16, tổ 2, khối 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Triệu A T, sinh năm 1978; (đã chết)

5. Chị Hà Thị X, sinh năm 1982 (vợ anh Triệu A T); có mặt.

Cùng cư trú tại: Số nhà 69, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Chị Triệu Mã L, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Chị Triệu Thị C, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 84, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Chị Triệu Thị M1, sinh năm 1987; vắng mặt.

9. Chị Triệu Thị M2, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

10. Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1994; vắng mặt.

11. Anh Hoàng Thái D, sinh năm 2003; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 25, tổ 5, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

12. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn M, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17/9/2021); vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Ông Đặng Thành Đ, sinh năm 1970 - Chức vụ: Công chức Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Lương Minh T, sinh năm 1961; cư trú tại: Tổ 2, khối 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị B là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đất tranh chấp có địa danh tại khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất tranh chấp là 317,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ 59, bản đồ địa chính thị trấn C đo vẽ năm 1998, mục đích sử dụng là đất vườn.

Ông Triệu Viết P lấy người vợ thứ nhất là bà Nông Thị Thê có 04 người

con chung, gồm: Triệu Viết S, sinh năm 1964 (chết năm 2009), là chồng bà Tổng Thị D; Triệu Thị B, sinh năm 1966; Triệu Thị H, sinh năm 1972; Triệu Viết T, sinh năm 1974.

Ông Triệu Viết P chung sống với người vợ thứ hai là bà Hoàng Thị B từ năm 1970 (không có đăng ký kết hôn) có 04 người con chung, gồm: Triệu Thị Hòa, sinh năm 1971 (chết năm 2013); Triệu A T, sinh năm 1978; Triệu Mã L, sinh năm 1980; Triệu Thị C, sinh năm 1987. Năm 2012 ông Triệu Viết P chết.

Nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do ông cha để lại cho ông Pỉnh và bà Hoàng Thị B với diện tích  $1022,7m^2$ , được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/2007 đứng tên ông Triệu Viết P và bà Hoàng Thị B. Đối với thửa đất này ông Triệu Viết P và bà B đã chuyển nhượng một số diện tích, cụ thể: Ngày 26/11/2008 chuyển nhượng cho ông Đoàn Đức S; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn diện tích  $150m^2$ ; Ngày 27/3/2009 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn L; trú tại: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang diện tích  $150m^2$ ; Ngày 30/3/2009 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn B; trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh diện tích  $151m^2$ ; Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng là  $451m^2$ , diện tích đất còn lại khoảng  $571,7m^2$ . Kết quả xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp là  $317,4m^2$

*Nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:* Năm 1997 ông Triệu Viết P cầm tạm cho vợ chồng anh Triệu Viết S, chị Tổng Thị D sử dụng diện tích đất hiện nay đang tranh chấp để làm vườn và vợ chồng anh Triệu Viết S, chị Tổng Thị D sử dụng từ năm 1997 đến nay. Năm 2009 anh Triệu Viết S chết gia đình có chôn cất anh Triệu Viết S trên mảnh vườn đó và hiện nay vẫn còn ngôi mộ của anh Triệu Viết S. Năm 2012 ông Triệu Viết P chết. Năm 2014 bà yêu cầu chị Tổng Thị D trả lại toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp chị Tổng Thị D đang sử dụng, nhưng chị Tổng Thị D không đồng ý trả mà cho rằng chồng bà là ông Triệu Viết P đã lập di chúc để lại cho chị D  $309m^2$  đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C. Năm 2015 chị Tổng Thị D lại có ý định xây tường ngăn cách, nhưng bà không đồng ý.

Đối với bản di chúc chị Tổng Thị D cung cấp cho Tòa án ghi lập vào hồi 10 giờ ngày 16/12/2010 bà không biết việc có bản di chúc này và khẳng định di chúc này không đúng, không hợp pháp, vì lúc đó ông Triệu Viết P đang ốm không thể lập di chúc được. Quá trình tham gia vụ án Tòa án đã giải thích việc giám định chữ ký của ông Triệu Viết P trong bản di chúc, nhưng bà khẳng định bản di chúc đó là không hợp pháp, nên bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của ông Triệu Viết P trong bản di chúc.

Bà đồng ý với kết quả xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp là  $317,4m^2$ , với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2021 bà xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích  $17,6m^2$  nằm trong thửa đất 155 là đất giao thông;  $1,2m^2$  nằm trong thửa đất 61;  $5,4m^2$  nằm trong thửa đất 76;  $0,6m^2$  nằm trong thửa đất 75, tờ bản đồ số 59 thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vì không nằm trong thửa đất số 69 của bà. Trên đất gồm có cây đào, cây nhót tây, cây trứng gà, cây ớt, cây chổi ... đều do chị Tổng Thị D trồng. Còn

diện tích đất 6,1m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 69, tờ bản đồ 59 hiện nay gia đình ông Lương Văn D đang quản lý, sử dụng một phần, gia đình ông Lương Văn P quản lý, sử dụng một phần, bà không yêu cầu gia đình ông Lương Văn D, ông Lương Văn P trả lại diện tích đất này, vì đã sử dụng ổn định và có bờ rào, tường xây ngăn cách.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Tống Thị D chấm dứt việc tranh chấp đất với bà tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 thị trấn C, huyện C diện tích 317,4m<sup>2</sup>, công nhận cho bà được quyền quản lý đối với diện tích đất này, vì đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và ông Triệu Viết P.

2. Đề nghị Tòa án tuyên Bản di chúc mà bà Tống Thị D cung cấp cho Tòa án được lập ngày 16/12/2010, chứng thực ngày 21/12/2010 là không hợp pháp.

3. Đối với tài sản trên đất, gồm: Cây đào, cây nhót tây, cây trứng gà, cây ổi, cây chuối, cây tre, cây ớt, cây chổi, hốc bí và rau ngót là của chị Tống Thị D trồng, bà yêu cầu chị Tống Thị D di dời toàn bộ cây trên đất để trả lại đất cho bà.

4. Đối với ngôi mộ anh Triệu Viết S, bà đồng ý cắt cho chị Tống Thị D khuôn viên mộ là 22,2m<sup>2</sup> và 01 mét chiều rộng đi thẳng từ đường vào đến ngôi mộ theo bờ rào có cây tre, giáp đất nhà ông Lương Văn P và ông Lương Văn D.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

6. Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm, vì bà là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn.

*Bị đơn bà Tống Thị D khai:* Bà và ông Triệu Viết S (chết năm 2009) kết hôn năm 1986. Ông Triệu Viết S là con trai của ông Triệu Viết P và bà Nông Thị Thê. Diện tích đất 317,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 69 đang tranh chấp hiện nay. Năm 2006 bố chồng bà là ông Triệu Viết P đã chia cho vợ chồng bà, lúc chia chỉ nói bằng miệng. Khi đó bố chồng bà và em chú Triệu A T tự ra căng dây cắm đất. Năm 2009, chồng bà là Triệu Viết S chết. Khi ông Triệu Viết P còn sống đã chia đất cho 03 người con trai, gồm chồng bà Triệu Viết S, Triệu Viết T, Triệu A T, còn 05 người con gái khi ông bán đất đã chia tiền cho các con gái. Vợ chồng bà được chia hơn 02 sào ruộng tại thôn Còn Cuồng, thị trấn C, huyện C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng bà là Triệu Viết S và Tống Thị D. Năm 2010 bố chồng bà là ông Triệu Viết P lập di chúc chia cho bà (vì lúc đó chồng bà đã chết) 300m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ 54 và 309m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đối với diện tích 300m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 78 Nhà nước đã thu hồi đất làm dự án khu N20, gia đình bà đã được nhận tiền đền bù 101.000.000 đồng, bà là người nhận tiền; còn diện tích 309m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ 59 gia đình bà quản lý sử dụng từ năm 1997, sau khi ông Triệu Viết P chết bà đã nhiều lần đặt vấn đề làm thủ tục tách sổ, nhưng bà Hoàng Thị B giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà không đi làm thủ tục tách sổ được.

Đối với bản di chúc lập ngày 16/12/2010 là do bố chồng bà ông Triệu Viết P tự lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn C bà cũng không biết, sau đó, bà được cán bộ của Ủy ban thị trấn C gọi bà lên nhận bản di chúc thì bà mới biết, nhưng trên thực tế thì bà đã sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1997 đến nay, trong quá trình sử dụng cũng như khi chồng bà chết có chôn cất trên diện tích đất này bà Hoàng Thị B không có ý kiến gì. Năm 2015 bà có ý định xây tường ngăn cách thì bà Hoàng Thị B không cho và cho rằng diện tích đất này là của bà Hoàng Thị B.

Nay bà Hoàng Thị B yêu cầu bà trả lại diện tích 317,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bà không đồng ý, vì bố chồng bà là ông Triệu Viết P đã lập di chúc cho bà được quản lý sử dụng diện tích đất này và bà cũng không đồng ý di dời tài sản trên đất gồm có cây đào, cây nhót tây, cây trứng gà, cây tre, cây chuối, cây ôi; còn những cây ốt, cây chổi, hốc bí, rau ngót hiện nay gia đình bà đã thu hái không còn trên đất không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu tuyên bố bản di chúc không hợp pháp bà cũng không nhất trí. Bà yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 16/12/2010 chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 21/12/2010 là hợp pháp. Và bà được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên. Còn diện tích đất 6,1m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 69, tờ bản đồ 59 hiện nay gia đình ông Lương Văn D đang quản lý, sử dụng một phần, gia đình ông Lương Văn P quản lý, sử dụng một phần, bà không yêu cầu gia đình ông Lương Văn D, ông Lương Văn P trả lại diện tích đất này, vì đã sử dụng ổn định và có bờ rào, tường xây ngăn cách.

Đối với diện tích 17,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 155 là đất giao thông; 1,2m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 61; 5,4m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 76; 0,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 75, tờ bản đồ số 59 thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn bà Hoàng Thị B xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không nằm trong thửa đất số 69, bà nhất trí.

*Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu A T, bà Hà Thị X, chị Triệu Thị B, chị Triệu Thị H (Hiện), anh Triệu Viết T, trình bày:* Vào khoảng năm 2005-2006 có được biết việc ông Pỉnh chia đất cho vợ chồng anh Triệu Việt Sỏi và Tống Thị D khoảng 300m<sup>2</sup>, từ khi được chia đất đến nay bà Tống Thị D vẫn quản lý, những người liên quan này đều không có yêu cầu độc lập gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Mã L, chị Triệu Thị C, chị Triệu Thị M1, chị Triệu Thị M2 trình bày:* Nhất trí với ý kiến của bà Tống Thị D, không có yêu cầu độc lập.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thu H và anh Hoàng Thái D:* Từ chối tham gia tố tụng trong vụ án vì không liên quan đến đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C:* Ngày 20 tháng 12 năm 2010 ông Triệu Viết P đến Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực bản di chúc để lại tài sản cho bà Tống Thị D là vợ ông Triệu Viết S,

gồm các thửa đất số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 309m<sup>2</sup> và thửa đất số 78, tờ bản đồ 54, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 300m<sup>2</sup>. Khi ông Triệu Viết P lên chứng thực bản di chúc ông đã tự đánh máy 03 bản, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã kiểm tra và hỏi việc lập di chúc là do ông Triệu Viết P hoàn toàn tự nguyện và thể hiện ý chí của ông, sau đó ông Triệu Viết P mới ký tên vào 03 bản di chúc trước mặt cán bộ tư pháp. Khi chứng thực xong cán bộ tư pháp (là ông Đặng Thành Đ) đã giao cho ông Triệu Viết P 02 bản, Ủy ban nhân dân thị trấn C lưu giữ tại hồ sơ chứng thực 01 bản. Trong quá trình kiểm tra bản di chúc do cán bộ tư pháp không đọc kỹ từng bản, nên bản di chúc lưu tại hồ sơ chứng thực hiện nay đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn C người nhận tài sản là Tổng Thị D, sinh ngày 11/8/1969; còn bản di chúc bà Tổng Thị D cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện C người nhận tài sản tên là Tổng Thị D, sinh ngày 26/8/1969. Lời chứng thực cũng ghi nhầm ngày là ngày 21/12/2010 (thực tế là ngày 20/12/2010 có vào sổ chứng thực di chúc Quyền số 01 năm 2005). Ủy ban nhân dân thị trấn C khẳng định ông Triệu Viết P có con trai là Triệu Viết S và bà Tổng Thị D là vợ của ông Triệu Viết S, đồng thời là con dâu của ông Triệu Viết P.

*Người làm chứng ông Đặng Thành Đ trình bày:* Ngày 20 tháng 12 năm 2010 ông Triệu Viết P đến Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực bản di chúc để lại tài sản cho bà Tổng Thị D là vợ ông Triệu Viết S. Thời điểm đó ông là người trực tiếp tiếp nhận hồ sơ của ông Triệu Viết P, khi ông Triệu Viết P lên chứng thực bản di chúc ông đã tự đánh máy 03 bản mang đến. Khi đó ông thấy ông Triệu Viết P hoàn toàn minh mẫn không bị ai ép buộc. Bản di chúc ông Triệu Viết P không ký trước mà khi lên chứng thực ông mới ký tên vào 03 bản di chúc trước mặt ông. Khi chứng thực xong ông đã giao cho ông Triệu Viết P 02 bản (vì ông Triệu Viết P không yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn C công bố bản di chúc), còn 01 bản Ủy ban nhân dân thị trấn C lưu giữ tại hồ sơ chứng thực. Bản thân ông có sai sót là khi kiểm tra bản di chúc đã không đọc kỹ từng bản, nên bản di chúc lưu tại hồ sơ chứng thực hiện nay đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn C người nhận tài sản là Tổng Thị D, sinh ngày 11/8/1969; còn bản di chúc bà Tổng Thị D lưu giữ và cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện C người nhận tài sản tên là Tổng Thị D, sinh ngày 26/8/1969. Lời chứng thực cũng ghi nhầm ngày là ngày 21/12/2010 (thực tế là ngày 20/12/2010 có vào sổ chứng thực di chúc Quyền số 01 năm 2005). Nhưng ông khẳng định ông Triệu Viết P lên Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực bản di chúc để lại tài sản cho bà Tổng Thị D là đúng sự thật.

*Người làm chứng ông Lương Minh T trình bày:* Ông công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn C từ năm 2004. Năm 2008 đến năm 2015 ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C. Trong quá trình công tác, thời gian giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C ông được chứng thực nhiều văn bản trong đó có các hồ sơ chứng thực di chúc. Trước khi ông ký chứng thực thì bộ phận tư pháp đã kiểm tra, thẩm định đảm bảo đúng trình tự theo quy định pháp luật mới trình để ông ký. Ông khẳng định chữ ký chứng thực trong bản di chúc của ông Triệu Viết P để lại tài sản cho bà Tổng Thị D là chữ ký của ông. Do sức khỏe

không tốt ông xin không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại Bản án số 09/2021/DS-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B.**

1.1. Tuyên bố di chúc của ông Triệu Viết P lập ngày 16/12/2010 được chứng thực ngày 21/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C là hợp pháp phần đối với bà Tống Thị D về quyền thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất đối với diện tích 276,2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Phần không hợp pháp trong di chúc là quyền thừa kế quyền sử dụng đất của bà Tống Thị D đối với 32,8m<sup>2</sup> trong thửa số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Bà Tống Thị D phải trả lại cho bà Hoàng Thị B tổng diện tích đất là 41,2m<sup>2</sup> (trong đó có 32,8m<sup>2</sup> là phần diện tích đất ông Triệu Viết P định đoạt vượt quá và 8,4m<sup>2</sup> diện tích đất ngoài di chúc bà Tống Thị D hiện đang quản lý sử dụng) tại thửa số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường ngõ đổ bê tông, vị trí đỉnh O, O' theo đường thẳng, chiều dài 1,89m; Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 69, vị trí đỉnh O', N' theo đường thẳng, chiều dài 21,96m; Phía Nam và Đông Nam giáp thửa đất số 76 của ông Triệu Văn D và một thửa đất số 75 của bà Hoàng Thị K, vị trí đỉnh N, S, N' theo đường thẳng, chiều dài 0,91m + 0,9m; Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 69, vị trí đỉnh N, O theo đường thẳng, chiều dài 21,64m; (Có sơ họa khu đất kèm theo).

1.3. Bà Tống Thị D có quyền quản lý, sử dụng 276,2m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trên đất có 01 cây nhót tây, 01 cây trứng gà, 02 cây chuối, 02 cây đào, 01 cây tre và 01 ngôi mộ ông Triệu Viết S. Diện tích đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường ngõ đổ bê tông, vị trí đỉnh O', P theo đường thẳng, chiều dài 10,94m; Phía Đông giáp thửa đất số 61 của ông Lương Văn P và một thửa đất số 70 của ông Lương Văn D, vị trí đỉnh P, Q, E, F, G theo đường gấp khúc, chiều dài 5,71m + 3,64m + 4,38m + 2,79m; Phía Nam và Đông Nam giáp thửa đất số 76 của ông Triệu Văn D, vị trí đỉnh G, H, R, N' theo đường thẳng, chiều dài 3,58m + 7,65m + 4,83m; Phía Tây giáp thửa đất số 69, vị trí đỉnh N', O' theo đường thẳng, chiều dài 21,96m; (Có sơ họa khu đất kèm theo).

1.4. Bà Hoàng Thị B và bà Tống Thị D có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

**2. Bà Hoàng Thị B được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên 41,2m<sup>2</sup> đất tranh chấp gồm 05 (năm) cây đào và có trách nhiệm thanh toán trị giá 05 (năm) cây đào là 760.000 đồng (bảy trăm sáu trăm mười nghìn đồng) cho bà Tống Thị D.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất 17,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 155 là đất giao thông; 1,2m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 61; 5,4m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 76; 0,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 75, tờ bản đồ số 59 thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do bà Hoàng Thị B xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật nguyên đơn bà Hoàng Thị B kháng cáo yêu cầu:

Sửa Bản án số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị B, cụ thể: Buộc bà Tổng Thị D chấm dứt việc tranh chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, thuộc khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn diện tích 317,4m<sup>2</sup>, công nhận cho bà Hoàng Thị B được quyền quản lý đối với thửa đất nêu trên.

Đề nghị Tòa án Tòa án tuyên 02 bản di chúc cho bà Tổng Thị D và Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C cung cấp cho Tòa án tháng 12 năm 2010 là không hợp pháp.

Đối với tài sản trên đất: Yêu cầu bà Tổng Thị D di dời toàn bộ cây trên đất để trả lại đất cho bà Hoàng Thị B.

Đối với ngôi mộ anh Triệu Viết S: Bà Hoàng Thị B đồng ý cho bà D khuôn viên mộ là 22,2m<sup>2</sup> và 01m chiều rộng đường đi thẳng từ đường vào đến ngôi mộ theo bờ rào có cây tre, giáp đất nhà ông Lương Văn P và ông Lương Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hoàng Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX sửa Bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Tổng Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tổng Thị D không chấp nhận với nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị B.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật;

Căn cứ lời khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua phần hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa xác định yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của TAND huyện Cao Lộc buộc bà



Tổng Thị D chấm dứt tranh chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 với diện tích 317,4m<sup>2</sup>, công nhận cho bà Hoàng Thị B được quyền quản lý thửa đất; đề nghị tuyên 02 bản di chúc mà bà Tổng Thị D và Ủy ban nhân dân thị trấn C cung cấp cho Tòa án là không hợp pháp; yêu cầu bà Tổng Thị D di dời toàn bộ cây trên đất tranh chấp trả lại đất; đối với ngôi mộ anh Triệu Viết S bà Hoàng Thị B đồng ý cho bà D khuôn viên mộ là 22,2m<sup>2</sup> và 01m chiều rộng đường đi từ đường vào đến ngôi mộ; bà D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai rõ tại hồ sơ, xét thấy sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo; tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị B yêu cầu công nhận được quản lý sử dụng diện tích 317,4m<sup>2</sup> đất thuộc một phần của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 hiện nay bà Tổng Thị D đang quản lý sử dụng, thấy: Nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 bà Hoàng Thị B cũng khẳng định là của bố mẹ ông Triệu Viết P để lại, khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Triệu Viết P đồng ý cho bà Hoàng Thị B đứng tên chủ sử dụng đất cùng ông. Năm 2007 bà Hoàng Thị B và ông Triệu Viết P được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 diện tích 1022,7m<sup>2</sup>. Năm 2008 và năm 2009 bà Hoàng Thị B và ông Triệu Viết P đã chuyển nhượng cho các ông Đoàn Đức S diện tích 150m<sup>2</sup>; ông Bùi Văn Lưu diện tích 150m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn B diện tích 151m<sup>2</sup>; diện tích đất còn lại 552,4m<sup>2</sup>, nên có căn cứ xác định diện tích 552,4m<sup>2</sup> còn lại của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59 là quyền sử dụng đất chung giữa bà Hoàng Thị B và ông Triệu Viết P. Vì vậy theo quy định tại Điều 216 của Bộ luật Dân sự 2005 ông Triệu Viết P và bà Hoàng Thị B có quyền sử dụng đất theo phần, mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất 552,4m<sup>2</sup>. Nên việc bà Hoàng Thị B yêu cầu công nhận bà được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất 317,4m<sup>2</sup> là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của bà Hoàng Thị B yêu cầu tuyên bố di chúc do ông Triệu Viết P lập ngày 16/12/2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực ngày 21/12/2010 là không hợp pháp thấy: Ông Đặng Thành Đ công chức tư pháp Ủy ban nhân dân thị trấn C khẳng định: Ngày 20 tháng 12 năm 2010 ông Triệu Viết P tự đến Ủy ban nhân dân thị trấn C yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn chứng

thực bản di chúc. Nội dung di chúc đã được ông soạn thảo đánh máy sẵn (ông cầm lên 03 bản). Sau khi tiếp nhận và kiểm tra thấy nội dung bản di chúc thể hiện ông Triệu Viết P để lại tài sản cho bà Tổng Thị D, gồm các thửa đất số 69, tờ bản đồ 59, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 309m<sup>2</sup> và thửa đất số 78, tờ bản đồ 54, địa chỉ thửa đất khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 300m<sup>2</sup>. Khi đó ông thấy ông Triệu Viết P hoàn toàn minh mẫn không bị ai ép buộc, ông Triệu Viết P trực tiếp ký vào 03 bản di chúc trước mặt ông. Khi chứng thực xong ông đã giao cho ông Triệu Viết P 02 bản (vì ông Triệu Viết P không yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn C công bố bản di chúc), còn 01 bản Ủy ban nhân dân thị trấn C lưu giữ tại hồ sơ chứng thực. Bản thân ông thừa nhận có sai sót là khi kiểm tra bản di chúc đã không đọc kỹ từng bản, nên bản di chúc lưu tại hồ sơ chứng thực hiện nay đang lưu trữ tại ủy ban nhân dân thị trấn C người nhận tài sản là Tổng Thị D, sinh ngày 11/8/1969; còn bản di chúc bà Tổng Thị D cung cấp cho Tòa án tên là Tổng Thị D, sinh ngày 26/8/1969. Lời chứng thực cũng ghi nhầm ngày là ngày 21/12/2010 (thực tế là ngày 20/12/2010 có vào sổ chứng thực di chúc Quyền số 01 năm 2005). Nhưng ông khẳng định ông Triệu Viết P lên Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực bản di chúc để lại tài sản cho bà Tổng Thị D là đúng sự thật. Như vậy có căn cứ khẳng định ông Triệu Viết P khi lập di chúc minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Hơn nữa ông Triệu Viết P chỉ có một người con dâu tên là Tổng Thị D và diện tích đất tranh chấp này vợ chồng bà Tổng Thị D đã quản lý sử dụng từ năm 1997 đến nay.

[4] Nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái quy định pháp luật. Ông tự cầm di chúc đến Ủy ban nhân dân thị trấn C yêu cầu chứng thực điều này càng thể hiện rõ ý chí của ông đối với các nội dung trong di chúc. Việc định đoạt tài sản của ông Triệu Viết P cho bà Tổng Thị D vợ ông Triệu Viết S theo nội dung di chúc cũng phù hợp với lời khai của các con riêng của ông Triệu Viết P và anh Triệu A T là con chung của ông Triệu Viết P và bà Hoàng Thị B. Di chúc đã được chứng thực nên theo quy định tại Điều 652, Điều 657 của Bộ luật Dân sự năm 2005 di chúc ông Triệu Viết P lập ngày 16/12/2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực ngày 21/12/2010 là hợp pháp. Do vậy, yêu cầu của bà Hoàng Thị B không có cơ sở.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 223 của Bộ luật Dân sự năm 2005 ông Triệu Viết P có quyền định đoạt phần quyền sử dụng đất của ông đối với ½ diện tích đất, tức là ông chỉ được định đoạt 276,2m<sup>2</sup> thuộc phần quyền của ông, nhưng trong di chúc ông đã định đoạt vượt quá phần quyền của mình là 32,8m<sup>2</sup>, như vậy phần định đoạt vượt quá này là không hợp pháp. Do vậy bà Tổng Thị D được quyền quản lý sử dụng diện tích 276,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 69, tờ bản đồ số 59 bản đồ địa chính thị trấn C là có căn cứ và trên thực tế bà Tổng Thị D đã quản lý, sử dụng diện tích đất này từ năm 1997. Đối với phần ông Triệu Viết P định đoạt vượt quá trong di chúc là 32,8m<sup>2</sup> và phần diện tích thực tế theo kết quả xem xét thẩm định bà Tổng Thị D đang quản lý sử dụng ngoài di chúc là 8,4m<sup>2</sup>, tổng cộng là 41,2m<sup>2</sup> bà Hoàng Thị B được quyền quản lý sử dụng là phù hợp

theo quy định tại Điều 216 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B có cơ sở chấp nhận một phần.

[6] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bà Tổng Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà B chỉ được Tòa án chấp nhận một phần, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B phải chịu chi phí tố tụng đối phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là có căn cứ. Kháng cáo của bà B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không có căn cứ.

[7] Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Tổng Thị D trả lại diện tích 41,2m<sup>2</sup> cho bà B và bà D có quyền quản lý sử dụng 276,2m<sup>2</sup>, bà D di dời 05 cây đào để trả lại đất cho bà B; đình chỉ giải quyết với diện tích 24,8m<sup>2</sup> do nguyên đơn Hoàng Thị B rút không yêu cầu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị B giữ nguyên Bản án dân sự số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị B, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có cơ sở.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tổng Thị D, được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì có cơ sở.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận;

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị B không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên ông được miễn án phí theo quy định.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự số 09/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị B được miễn án phí theo quy định.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS H. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lộc Sơn Thái**